

Số: 28/2019/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 15 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1973, địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh G.

2. Bị đơn: Ông Ngô Â, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị H và ông Ngô Â.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Ngô Â tự nguyện thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung và nuôi con chung: Bà H và ông Â công nhận vợ chồng 03 con chung tên là: Ngô Thị Ly N, sinh năm 1992; Ngô Ngọc Phi HG, sinh năm 1995; Ngô Mỹ HH, sinh ngày 11/7/2001.

Đối với cháu N và cháu HG đã trưởng thành và tự lập được nên bà H và ông Â đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nguyện vọng của con, bà H và ông Â tự nguyện thỏa thuận giao cháu Ngô Mỹ HH cho bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu HH thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Ông Â không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Â có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà H và ông Â đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Á đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: H giải thành được giảm 50% án phí = 150.000 đồng. Bà Bùi Thị H tự nguyện chịu hết 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003056 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ KIM THOA